TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2017.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Nguyễn Thị Thủy.**

2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **536/2017/TLST-HNGĐ** ngày 04 tháng 10 năm 2017, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **114/**2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị K** - Sn: 1972. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp TL, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

* **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn T** - Sn: 1966. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-9-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T cùng tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh T hay uống rượu và đánh chị, anh chị không sống chung với nhau từ năm 2013 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn để sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Nhật A, sinh năm 1994, đã trưởng

thảnh, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người chăm sóc, nuôi dưỡng và Nguyễn Nhật B, sinh năm 1998, đã qua đời.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai vả không ai nợ vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn T (bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, tài sản và nợ giữa anh và chị K. Anh chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Người con tên Nguyễn Nhật A, sinh năm 1994, đã trưởng thảnh, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 (sau ngày 03-01-1987), không đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000, của Quốc Hội thì không công nhận quan hệ của chị K – anh T là vợ chồng.

[2] *Về con chung:*

Anh T và chị K thống nhất người con Nguyễn Nhật A, sinh năm 1994, đã trưởng thảnh, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân, không yêu cầu giải quyết người chăm sóc, nuôi dưỡng, nên không xét.

[3] *Về tài sản*: Anh T và chị K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] *Về nợ:* Anh T và chị K trình bày không có nên không xét.

[5] *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. **Về hôn nhân**:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị K.

2. **Về nuôi con chung:** Anh T và chị K còn 01 người con chung tên Nguyễn Nhật A, sinh năm 1994, đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. **Về tài sản chung nợ:** Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị K nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị K nộp theo Biên lai thu tiền số: **000283** ngày **04-10-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng